

Số: 623 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 23 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp cho các hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn (đợt 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019; Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 và Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sơ bộ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức bị ảnh hưởng do thu hồi đất để phục vụ đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị Long Vân I;

Căn cứ Quyết định số 4922/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất Dự án: Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để lập phương án bồi thường, GPMB dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tờ trình số 05/TTr-TTPTQĐ ngày 25/01/2024 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 208/TTr-STNMT ngày 20/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp cho các hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng (GPMB) để thực hiện dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn (đợt 17), với các số nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **3.160.876.000 đồng** (Ba tỷ, một trăm sáu mươi triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 3.098.898.000 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 61.978.000 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 6.198.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 4.339.000 đồng).

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này)

2. Nguồn vốn chi trả: Nguồn vốn ứng trước của Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt tại Điều 1 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; bàn giao phần diện tích 200,4m² thu hồi đất nông nghiệp nằm ngoài ranh giới quy hoạch của dự án nêu trên cho UBND phường Trần Quang Diệu quản lý và không được tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi phần đất này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND P. Bùi Thị Xuân;
- UBND P. Trần Quang Diệu;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K4, K14, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THU HỒI ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHO CÁC HỘ DÂN, TỔ CHỨC BỊ ẢNH HƯỞNG DO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐỀ THỰC HIỆN DỰ ÁN TRUNG TÂM TRÍ TUỆ NHÂN TẠO - ĐÔ THỊ PHỤ TRỢ TẠI PHƯỜNG TRẦN QUANG DIỆU VÀ PHƯỜNG BÙI THỊ XUÂN, THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 17)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ dân, tổ chức	Địa chỉ	Diện tích đất bị thu hồi				Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)								Số nhân khẩu	Giá trị BT, HT (đồng)
			Tổng diện tích thu hồi	Bồi thường đất		Hỗ trợ bằng mức BT	Bồi thường đất nông nghiệp		Hỗ trợ bằng mức BT	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm		Hỗ trợ khác bằng mức hỗ trợ chuyển đổi nghề	VKT, cây cối, hoa màu	Hỗ trợ ổn định đời sống		
				Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch		Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch		Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch					
1	Hộ bà Mai Thị Ninh, con rể Nguyễn Hồng Nam -ĐDKK	Tổ 8, KP 4, P. Trần Quang Diệu	1.079,80	1.071,20	8,60		174.391.360	1.400.080		475.612.800	3.818.400		12.945.680			668.168.000
2	Hộ ông Trần Trung Khánh (chết), vợ: Phan Thị Ai, con: Trần Xuân Huê - ĐDKK	Tổ 3, KP 4, P. Trần Quang Diệu	426,10	426,10			69.369.080			189.188.400			1.917.450			260.475.000
3	Hộ ông Dương Thìn, vợ: Nguyễn Thị Khiêm	Tổ 7, KP 1, P. Trần Quang Diệu	483,84	483,84			78.769.152			214.824.960			3.630.600	41.328.000	7	338.553.000
4	Hộ bà Mai Thị Điệp, chồng: Nguyễn Đồng	Tổ 8, KP 2, P. Trần Quang Diệu	1.536,44	1.361,60	174,84		221.668.480	28.463.952		604.550.400	77.628.960		6.217.200			938.529.000
5	Hộ ông Lê Mai Hoàng	Tổ 5, KP4, P. Trần Quang Diệu	506,55	387,70		118,85	63.117.560		19.348.780	172.138.800			20.441.820	26.568.000	14	301.615.000
6	Hộ ông Nguyễn Hải (chết), con: Ông Nguyễn Văn Chí - ĐDKK	Tổ 10, KP 4, P. Trần Quang Diệu	473,90	473,90			77.150.920			210.411.600			2.132.550			289.695.000
7	Hộ ông Trần Ân	Tổ 1, KP5, P. Trần Quang Diệu	187,40	187,40			30.508.720					83.205.600	857.620			114.572.000
8	Hộ bà Nguyễn Thị Dầu, chồng: Trần Minh Điều	Tổ 8, KP 4, P. Trần Quang Diệu	30,90	30,90			5.030.520			13.719.600			139.050			18.889.000
9	Hộ ông Nguyễn Lay, vợ Nguyễn Thị Trinh	Tổ 11, KP 2, P. Trần Quang Diệu	5,70	5,70			927.960			2.530.800			59.850			3.519.000
10	Hộ ông Tô Văn Đào, vợ Nguyễn Thị Thanh Châu	Tổ 3, KP 4, P. Trần Quang Diệu	3,40	3,40			553.520			1.509.600			15.300			2.078.000
11	Hộ bà Lê Thị Dường, con: Trần Văn Huê - ĐDKK	Tổ 5, KP4, P. Trần Quang Diệu	16,40	16,40			2.669.920			7.281.600			73.800			10.025.000
12	Hộ ông Nguyễn Công Dũng, vợ Hà Thị Tuyết Lộc	Tổ 8, KP 2, P. Trần Quang Diệu.	70,20	53,60	16,60		8.726.080	2.702.480		23.798.400	7.370.400		315.900			42.913.000
13	Ông Mai Văn Thận, vợ Nguyễn Thị Chuân	Tổ 2, KP 4, P. Trần Quang Diệu.										25.130.400				25.130.000
14	Hộ ông Mai Thanh Châu	Tổ 2, KP 4, P. Trần Quang Diệu						1					2.700.000			2.700.000
15	Bùi Văn Sĩ	Tổ 8, KP 4, P. Trần Quang Diệu											4.200.000			4.200.000

TT	Hộ dân, tổ chức	Địa chỉ	Diện tích đất bị thu hồi				Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)								Số nhân khẩu	Giá trị BT, HT (đồng)
			Tổng diện tích thu hồi	Bồi thường đất		Hỗ trợ bằng mức BT	Bồi thường đất nông nghiệp		Hỗ trợ bằng mức BT	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm		Hỗ trợ khác bằng mức hỗ trợ chuyển đổi nghề	VKT, cây cối, hoa màu	Hỗ trợ ổn định đời sống		
				Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch		Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch		Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch					
16	Lê Văn Hiệp, vợ Nguyễn Thị Huệ	Tổ 2, KP 4, P. Trần Quang Diệu											2.700.000			2.700.000
17	Nguyễn Văn Vân	Tổ 3, KP 4, P. Trần Quang Diệu											2.196.780			2.197.000
18	Trần Văn Đồng	Tổ 1, KP 4, P. Trần Quang Diệu											2.100.000			2.100.000
19	Bà Nguyễn Thị Phụng, chồng Nguyễn Văn Ngải	Tổ 11, KP2, P. Trần Quang Diệu											2.100.000			2.100.000
20	Hộ ông Bùi Sĩ Pha	Tổ 4, KP 4, P. Trần Quang Diệu											17.079.960			17.080.000
21	Hộ ông Trần Văn Bình (chết), vợ Nguyễn Thị Mọi, dâu Huỳnh Thị Tuyết Lan - ĐDKK	Tổ 1, KP4, P. Trần Quang Diệu												10.332.000	7	10.332.000
22	Hộ Nguyễn Thị Mười (chết), con Trần Văn Dũng - ĐDKK	Tổ 9, KP2, P. Trần Quang Diệu												35.424.000	12	35.424.000
23	Hộ ông Mai Kim Chi (chết), con Mai Kim Định ĐDKK	Tổ 5, KP 4, P. Trần Quang Diệu												2.952.000	2	2.952.000
24	Hộ ông Bùi Sĩ An	Tổ 4, KP4, P. Trần Quang Diệu												2.952.000	2	2.952.000
25	UBND phường Trần Quang Diệu	287 Lạc Long Quân, TP. Quy Nhơn	10.087,06	10.087,06												0
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ															3.098.898.000
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB															61.978.000
C	Tổng cộng															3.160.876.000

TT	Hộ dân, tổ chức	Địa chỉ	Diện tích đất bị thu hồi				Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)								Số nhân khẩu	Giá trị BT, HT (đồng)
			Tổng diện tích thu hồi	Bồi thường đất		Hỗ trợ bằng mức BT	Bồi thường đất nông nghiệp		Hỗ trợ bằng mức BT	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm		Hỗ trợ khác bằng mức hỗ trợ chuyển đổi nghề	VKT, cây cối, hoa màu	Hỗ trợ ổn định đời sống		
				Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch		Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch		Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch					

